

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1
YEAH1 GROUP CORPORATION**

-----o0o-----

Số/No.: 447/2026/CBTT/CTHĐQT/YEG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

-----o0o-----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh City, October 30, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG
THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK TP. HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH CITY STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / The State Securities Commission
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / HoChiMinh Stock Exchange

- Tên tổ chức/Organization name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / YEAH1 GROUP CORPORATION
- Mã chứng khoán/Securities Symbol: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/Head office address: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / 140 Nguyen Van Thu, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Điện thoại/Telephone: (+84) 287300 6071 Fax: Không có/None.
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Bà/Ms Lê Phương Thảo
Chức vụ/Position: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman of the Board of Directors

Loại thông tin công bố ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24 giờ ☐ Theo yêu cầu
Information disclosure type Periodic Irregular 24 hours On-demand

Nội dung thông tin công bố/Content of Information disclosure:

Ngày 30/10/2026, Công ty Cổ phần Tập đoàn YeaH1 (“Công ty”) công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2026 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2026 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025.

On October 30, 2026, YeaH1 Group Corporation (“the Company”) disclosed the following information:

- The Company's separate Financial Statements for the Third Quarter of 2026 and the Explanation of the differences in the separate Financial Statements for the Third Quarter of 2026 compared to the same period in 2025.
- The Company's consolidated Financial Statements for the Third Quarter of 2026 and the Explanation of the differences in the consolidated Financial Statements for the Third Quarter of 2026 compared to the same period in 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn YeaH1 vào ngày 30 tháng 10 năm 2026 tại đường dẫn:

<http://yeah1group.com/investor-relations>.

This information was disclosed on YeaH1 Group Corporation's Portal on October 30, 2026. Available at: <http://yeah1group.com/investor-relations>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct, and we bear the full responsibility under the law.

Nơi nhận:

Recipient:

+ Như trên;

+ *As above;*

+ Lưu VP;

+ *Archived;*

✓ **Đại diện tổ chức/Organization representative**
Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*



LÊ PHƯƠNG THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1
Số: 449.../2026/YEG/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III và lũy kế chín tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 như sau:

1. Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất Quý III năm 2026 so với Quý III năm 2025:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý III năm 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý III 2026 (1)	Quý III 2025 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Thay đổi %
Lợi nhuận sau thuế	16.602.625.969	7.342.327.693	9.260.298.276	126,12%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất Quý III năm 2026 đạt 16.602.625.969 đồng, tăng 9.260.298.276 đồng, tương ứng tăng 126,12% so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do việc tối ưu hiệu quả chi phí giá vốn trong hoạt động kinh doanh, dẫn đến lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ được cải thiện đáng kể



b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý III năm 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý III 2026 (1)	Quý III 2025 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận sau thuế	9.450.740.614	(11.402.763.983)	20.853.504.597

Quý III năm 2026, Công ty mẹ ghi nhận lợi nhuận sau thuế TNDN 9.450.740.614 đồng, tăng 20.853.504.597 đồng so với khoản lỗ 11.402.763.983 đồng cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do kết quả hoạt động kinh doanh cải thiện, dẫn đến lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế tăng.

2. Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất lũy kế chín tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất lũy kế chín tháng đầu năm 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	9 tháng đầu năm 2026 (1)	9 tháng đầu năm 2025 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Thay đổi %
Lợi nhuận sau thuế	40.256.659.728	66.629.738.659	(26.373.078.931)	(39,58%)

Lũy kế chín tháng đầu năm 2026, lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất đạt 40.256.659.728 đồng, giảm 26.373.078.931 đồng, tương ứng 39,58% so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do cùng kỳ năm ngoái đã ghi nhận khoản lãi đáng kể từ hoạt động thoái vốn công ty, trong khi chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính tăng so với năm ngoái. Các yếu tố này làm giảm lợi nhuận sau thuế dù lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh đã cải thiện.

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lũy kế chín tháng đầu năm 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	9 tháng đầu năm 2026 (1)	9 tháng đầu năm 2025 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận sau thuế	18.910.300.924	(131.788.998.412)	150.699.299.336

Lũy kế chín tháng đầu năm 2026, Công ty mẹ ghi nhận lợi nhuận sau thuế TNDN 18.910.300.924 đồng, tăng 150.699.299.336 đồng so với khoản lỗ 131.788.998.412 đồng cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do cùng kỳ năm 2025 Công ty ghi nhận chi phí tài chính liên quan đến việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1, trong khi kỳ này không phát sinh khoản chi phí tương tự. Bên cạnh đó, lợi nhuận gộp tăng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm cũng góp phần cải thiện kết quả kinh doanh.

Công văn giải trình này được lập kèm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III và lũy kế chín tháng đầu năm 2026. Website của Công ty: www.yeah1group.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

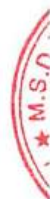
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ III NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2026**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính riêng (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp**

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 35 ngày 11 tháng 6 năm 2026.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên
Lê Thị Hoa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 03 năm 2026)
Bà Đỗ Thị Mai Vy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 07 năm 2026)
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 3 năm 2026)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 3 đến trang 46. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Lưu Anh Khoa
Giám đốc Tài chính

(theo giấy ủy quyền số 320/2026/UQ/YEG ngày 10 tháng 8 năm 2026)

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.139.676.789.644	1.037.970.426.657
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.066.028.347	27.925.551.729
111	Tiền	3	2.066.028.347	27.925.551.729
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		756.858.652.842	232.911.382.377
121	1. Chứng khoán kinh doanh	4(d)	432.800.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	7(a)	324.058.652.842	232.911.382.377
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		285.805.006.879	704.741.337.321
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	83.969.822.795	360.353.884.484
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	199.908.436.063	221.309.150.846
135	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	2.640.598.532	123.570.765.592
136	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(713.850.511)	(492.463.601)
140	Hàng tồn kho		49.401.405.376	69.648.446.950
141	Hàng tồn kho	10	49.401.405.376	69.648.446.950
160	Tài sản ngắn hạn khác		45.545.696.200	2.743.708.280
161	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	11(a)	45.545.696.200	786.866.100
162	Thuế GTGT được khấu trừ	16	-	1.956.842.180

Các thuyết minh kèm theo là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.512.907.345.205	1.633.284.583.908
210	Các khoản phải thu dài hạn		204.125.302.800	203.064.334.800
215	Phải thu dài hạn khác	8(b)	204.125.302.800	203.064.334.800
220	Tài sản cố định		282.646.255.770	164.373.553.454
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	144.302.790	224.420.338
222	Nguyên giá		998.567.381	998.567.381
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(854.264.591)	(774.147.043)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	282.501.952.980	164.149.133.116
228	Nguyên giá		418.793.106.033	240.247.920.639
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(136.291.153.053)	(76.098.787.523)
250	Tài sản dở dang dài hạn		-	57.177.622.222
252	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	-	57.177.622.222
260	Đầu tư tài chính dài hạn		1.018.594.700.757	1.194.146.485.437
261	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.023.949.720.000	959.904.720.000
262	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	41.889.600.000	76.889.600.000
263	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	9.615.625.000	9.615.625.000
264	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	4	(57.460.244.243)	(45.978.459.563)
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	7(b)	600.000.000	193.715.000.000
270	Tài sản dài hạn khác		7.541.085.878	14.522.587.995
271	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	7.541.085.878	14.417.587.581
272	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28	-	105.000.414
280	TỔNG TÀI SẢN		2.652.584.134.849	2.671.255.010.565

Các thuyết minh kèm theo là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		520.761.422.537	558.342.599.177
310	I. Nợ ngắn hạn		508.261.422.537	536.297.630.478
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	50.210.856.313	302.983.205.585
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	19.108.840.000	16.390.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	16	10.974.555.054	1.823.423.021
315	Phải trả người lao động		3.380.195.261	3.570.352.261
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.816.806.307	7.473.837.135
319	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn		50.086.166.854	-
320	Phải trả ngắn hạn khác	18	105.797.507.739	72.353.723.064
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19(a)	265.886.495.009	131.703.089.412
330	Nợ dài hạn		12.500.000.000	22.044.968.699
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19(b)	12.500.000.000	22.044.968.699
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.131.822.712.312	2.112.912.411.388
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20	2.052.281.770.000	1.918.020.350.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.052.281.770.000	1.918.020.350.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	75.418.254	75.418.254
420	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	79.465.524.058	194.816.643.134
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		60.555.223.134	336.529.421.707
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		18.910.300.924	(141.712.778.573)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.652.584.134.849	2.671.255.010.565


 Nguyễn Thị Thủy Diễm
 Người lập


 Đặng Phương Dung
 Kế toán trưởng




 Lưu Anh Khoa
 Giám đốc Tài chính
 Ngày 30 tháng 10 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026 VND	30.09.2025 VND	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.000.497.103	129.129.674.890	322.786.028.082	481.665.794.570
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.000.497.103	129.129.674.890	322.786.028.082	481.665.794.570
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(63.319.410.210)	(124.514.865.807)	(262.772.817.466)	(441.830.778.345)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.681.086.893	4.614.809.083	60.013.210.616	39.835.016.225
22	Doanh thu hoạt động tài chính	4.845.843.721	5.700.186.626	15.026.166.017	12.555.890.866
23	Chi phí tài chính	(6.682.834.594)	(1.819.997.541)	(29.420.421.610)	(137.894.492.495)
24	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(6.317.974.593)	(2.712.146.586)	(14.155.279.078)	(13.772.344.953)
25	Chi phí bán hàng	-	-	-	(443.638.889)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.249.467.714	(19.338.844.866)	(17.107.424.630)	(43.596.874.141)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.093.563.734	(10.843.846.698)	28.511.530.393	(129.544.098.434)
31	Thu nhập khác	25.822	417.000	25.822	4.363.962
32	Chi phí khác	(96.433.057)	(559.334.285)	(166.020.800)	(709.883.256)
40	Lỗ khác	(96.407.235)	(558.917.285)	(165.994.978)	(705.519.294)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026 VND	30.09.2025 VND	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.997.156.499	(11.402.763.983)	28.345.535.415	(130.249.617.728)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(5.546.415.885)	-	(9.330.234.077)	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(105.000.414)	(1.539.380.684)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	<u>9.450.740.614</u>	<u>(11.402.763.983)</u>	<u>18.910.300.924</u>	<u>(131.788.998.412)</u>



Nguyễn Thị Thúy Diễm
Người lập



Đặng Phương Dung
Kế toán trưởng



Lưu Anh Khoa
Giám đốc Tài chính
Ngày 30 tháng 10 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.345.535.415	(130.249.617.728)
2	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	60.272.483.078	31.361.468.111
3	Các khoản dự phòng	11.703.171.590	36.981.637.252
5	Lãi từ hoạt động đầu tư	(15.003.630.517)	125.622.788.758
6	Chi phí lãi vay	14.155.279.078	13.772.344.953
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	99.472.838.644	77.488.621.346
9	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	109.545.765.359	65.577.593.247
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	20.247.041.574	(79.198.655.509)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	(174.285.664.629)	(8.936.586.979)
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	(37.882.328.397)	4.081.586.386
13	Tiền chi mua chứng khoán kinh doanh	(432.800.000.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả	(13.219.462.064)	(21.924.007.226)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(4.377.636.288)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(428.921.809.513)	32.710.914.977
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(51.235.243.804)	(51.861.927.617)
23	Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.094.539.761.151)	(651.000.791.421)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.197.206.761.151	472.277.048.544
25	Tiền chi mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị khác	(27.267.000.000)	(215.103.600.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	240.111.000.000	122.198.980.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14.148.093.037	8.291.916.923
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	278.423.849.233	(315.198.373.571)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	548.005.810.000
33	Tiền thu từ vay	427.390.653.047	154.415.446.357
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(302.752.216.149)	(415.079.734.157)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	124.638.436.898	287.341.522.200
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	(25.859.523.382)	4.854.063.606
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	27.925.551.729	38.416.885.363
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2.066.028.347	43.270.948.969


 Nguyễn Thị Thúy Diễm
 Người lập


 Đặng Phương Dung
 Kế toán trưởng



Lưu Anh Khoa
 Giám đốc Tài chính
 Ngày 30 tháng 10 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỶ CHÍN THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2026****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 35 ngày 11 tháng 6 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có 47 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 60 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có 8 công ty con trực tiếp và 8 công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 9 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những Công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho Kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2026 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Chi phí chờ phân bổ**

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí chờ phân bổ này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 9); và

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	2.066.028.347	27.925.551.729
TỔNG CỘNG	2.066.028.347	27.925.551.729

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

							30.09.2026	31.12.2025			
STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty con trực tiếp				%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
1	Công ty TNHH 1Production	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00	350.000.000.000	(*)	-	100,00	350.000.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và phân phối nội dung truyền hình, video và các sản phẩm truyền thông kỹ thuật số	69,55	255.844.800.000	(*)	-	69,55	255.844.800.000	(*)	-
3	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo và truyền thông số	69,00	203.319.000.000	(*)	(4.206.670.871)	69,00	203.319.000.000	(*)	(4.980.480.646)
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	80.000.000.000	(*)	(5.271.571.103)	100,00	80.000.000.000	(*)	(10.935.222.936)
5	Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	TP. Hồ Chí Minh	Phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	100,00	69.985.920.000	(*)	(17.540.682.968)	100,00	43.718.920.000	(*)	(7.189.229.527)
6	Công ty Cổ phần 1Game	TP. Hồ Chí Minh	Trò chơi điện tử và quảng cáo	51,00	37.800.000.000	(*)	(2.599.450.769)	0,00	-	(*)	-
7	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00	25.000.000.000	(*)	(13.744.867.445)	100,00	25.000.000.000	(*)	(13.257.901.454)
8	Công ty TNHH 1Brandlink	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	100,00	2.000.000.000	(*)	-	100,00	2.000.000.000	(*)	-
9	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 (đã giải thể)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	0,00	-	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (đã giải thể)	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	0,00	-	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
TỔNG CỘNG					1.023.949.720.000		(43.363.243.156)		959.904.720.000		(36.362.834.563)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (*) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các Công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể và chấm dứt hoạt động. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	30.09.2026		31.12.2025	
				Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
1	Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	69,55	100,00	69,55	100,00
2	Công ty TNHH TíngTíng Network	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55	100,00	69,55	100,00
3	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	64,86	94,00	64,86	94,00
4	Công ty TNHH Big Cat	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	55,64	80,00	55,64	80,00
5	Công ty TNHH Vietnam Music Award	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	35,47	51,00	35,47	51,00
6	Netlink Communication Technology Ltd	British Virgin Island	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18	50,99	35,18	50,99
7	Web Publishing Corp	British Virgin Island	Quảng cáo	17,63	50,10	17,63	50,10
8	Công ty Cổ phần Netlink	TP. Hà Nội	Quảng cáo	17,24	99,90	17,24	99,90
9	Công ty Cổ phần TStudio (*)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, hoạt động hậu kỳ	-	-	41,69	59,95
10	Netlink Online Pte. Ltd.(**)	Singapore	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	-	-	35,18	100,00

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số, công ty con gián tiếp của Công ty, đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 41,69% tỷ lệ sở hữu (tương đương 59,95% tỷ lệ quyền biểu quyết) của Tstudio, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 222/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 29 tháng 6 năm 2026. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Tstudio giảm xuống 0% và Tstudio không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này. (**) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể và chấm dứt hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Tại ngày 30.09.2026					Tại ngày 31.12.2025				
		Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần 1Creators	36,00	36,00	36.000.000.000	(*)	(4.481.376.087)	36,00	36,00	36.000.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần SYE Holdings	49,88	49,88	3.889.600.000	(*)	-	49,88	49,88	2.889.600.000	(*)	-
3	Công ty TNHH 1Audience (trước đây: Meta Blossom Việt Nam)	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-	40,00	40,00	2.000.000.000	(*)	-
4	Công ty Cổ phần 1Game	0,00	0,00	-	(*)	-	49,00	49,00	36.000.000.000	(*)	-
TỔNG CỘNG				41.889.600.000		(4.481.376.087)			76.889.600.000		-

Công ty Cổ phần SYE Holdings sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH 1Talents.

- (*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	30.09.2026					31.12.2025				
			Quyền		Giá trị hợp		Dự phòng	Quyền		Giá trị hợp		Dự phòng
			Tỷ lệ	biểu	Giá gốc	lý		Tỷ lệ	biểu	Giá gốc	lý	
			sở hữu	quyết	VND	VND		sở hữu	quyết	VND	VND	
			%	%			VND	%	%			VND
1	Công ty Cổ phần Ads Group Việt Nam	Công thông tin, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	(6.000.000.000)	4,40	4,40	6.000.000.000	(*)	(6.000.000.000)
2	Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	(1.858.000.000)	15,00	15,00	1.858.000.000	(*)	(1.858.000.000)
3	Công ty Cổ phần Shopiness	Công thông tin xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	(1.757.625.000)	10,00	10,00	1.757.625.000	(*)	(1.757.625.000)
TỔNG CỘNG					9.615.625.000		(9.615.625.000)			9.615.625.000		(9.615.625.000)

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(d) Chứng khoán kinh doanh

Theo Nghị quyết HĐQT số 50/2026/NQ/HĐQT/YEG và số 51/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 23 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chủ trương ủy thác đầu tư vốn cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB để thực hiện hoạt động đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Tera Group và Công ty Cổ phần Tera Ventures, với số vốn ủy thác lần lượt là 260.000.000.000 VND và 172.800.000.000 VND theo hình thức hợp đồng ủy thác đầu tư, tỷ lệ sở hữu sau khi đầu tư tại mỗi công ty không vượt quá 49,99%. Chi tiết như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Tera Group	260.000.000.000	260.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Ventures	172.800.000.000	172.800.000.000	-
TỔNG CỘNG	432.800.000.000	432.800.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có khoản chứng khoán kinh doanh này.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được xác định chính thức do thiếu thông tin thị trường đầy đủ để thực hiện việc định giá. Căn cứ vào báo cáo tư vấn đầu tư được lập tại thời điểm thực hiện giao dịch và các thông tin sẵn có đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không có sự kiện trọng yếu phát sinh hoặc thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng đến giá trị của các khoản đầu tư này kể từ ngày mua.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Bên thứ ba	44.967.335.148	315.599.465.330
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	24.840.000.000	10.929.600.000
Công Ty Cổ Phần Giải Pháp Thanh Toán Việt Nam	6.480.000.000	
CTCP Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam		8.000.100.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư T.P.G		153.600.000
Công ty Cổ phần Tera Ventures		240.001.000.000
Khác	13.647.335.148	56.515.165.330
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	39.002.487.647	44.754.419.154
TỔNG CỘNG	83.969.822.795	360.353.884.484
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 9)	(523.907.137)	(419.125.706)
GIÁ TRỊ THUẦN	83.445.915.658	359.934.758.778

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Bên thứ ba	169.558.367.672	210.862.091.139
Công ty Cổ phần Tera Group	136.714.476.520	154.214.476.520
Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện HAND	32.517.000.000	41.685.000.000
Công ty Cổ phần King Production	-	12.659.714.640
Khác	326.891.152	2.302.899.979
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	30.350.068.391	10.447.059.707
TỔNG CỘNG	199.908.436.063	221.309.150.846

7 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**(a) Ngắn hạn**

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Tiền gửi ngân hàng	234.630.187.672	164.600.000.000
Cho bên thứ ba vay	975.312.058	1.257.225.890
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh 30(b))	88.453.153.112	67.054.156.487
TỔNG CỘNG	324.058.652.842	232.911.382.377
GIÁ TRỊ THUẦN	324.058.652.842	232.911.382.377



7 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Cho bên thứ ba vay	-	1.600.000.000
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh 30(b))	600.000.000	192.115.000.000
TỔNG CỘNG	600.000.000	193.715.000.000

8 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Phải thu thu hộ theo hợp đồng	1.304.022.474	22.245.957.071
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh và tạm ứng sản xuất	-	99.875.000.000
Khác	1.336.576.058	1.449.808.521
TỔNG CỘNG	2.640.598.532	123.570.765.592
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9)	(189.943.374)	(73.337.895)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.450.655.158	123.497.427.697
Trong đó:		
Bên thứ ba	1.283.197.458	101.100.280.913
Bên liên quan	1.357.401.074	22.470.484.679

(b) Dài hạn

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Đặt cọc nhận chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất (*)	196.000.000.000	196.000.000.000
Khác	8.125.302.800	7.064.334.800
TỔNG CỘNG	204.125.302.800	203.064.334.800
Trong đó:		
Bên thứ ba	204.125.302.800	203.064.334.800

Khoản đặt cọc 196.000.000.000 VND liên quan đến Hợp đồng đặt cọc số 1456/2024/HĐĐC/YEG-SG3 ngày 29 tháng 12 năm 2024 để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có thời hạn 5 năm; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 426639.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

9 NỢ KHÓ ĐÒI

	30.09.2026			31.12.2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	523.907.130	(7)	(523.907.137)	523.907.131	104.781.425	(419.125.706)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.130	(7)	(523.907.137)	523.907.131	104.781.425	(419.125.706)
Trả trước cho người bán và phải thu ngắn hạn khác	540.191.055	350.247.681	(189.943.374)	134.735.792	61.397.897	(73.337.895)
Khác	540.191.055	350.247.681	(189.943.374)	134.735.792	61.397.897	(73.337.895)
TỔNG CỘNG	1.064.098.185	350.247.674	(713.850.511)	658.642.923	166.179.322	(492.463.601)

10 HÀNG TỒN KHO

	30.09.2026	31.12.2025
	VND	VND
Chi phí các chương trình đang sản xuất dở dang	49.129.769.284	69.183.596.866
Hàng hóa	271.636.092	464.850.084
TỔNG CỘNG	49.401.405.376	69.648.446.950

11 CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ**(a) Ngắn hạn**

	30.09.2026	31.12.2025
	VND	VND
Phí dịch vụ trả trước	45.134.978.091	567.938.668
Công cụ, dụng cụ	214.090.609	157.528.366
Khác	196.627.500	61.399.066
TỔNG CỘNG	45.545.696.200	786.866.100

(b) Dài hạn

	30.09.2026	31.12.2025
	VND	VND
Chi phí cải tạo văn phòng	6.804.831.478	12.679.096.582
Công cụ, dụng cụ	366.119.971	738.161.520
Khác	370.134.429	1.000.329.479
TỔNG CỘNG	7.541.085.878	14.417.587.581

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**(a) TSCĐ hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	998.567.381	998.567.381
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	998.567.381	998.567.381
Giá trị khấu hao lũy kế		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	(774.147.043)	(774.147.043)
Khấu hao trong năm	(80.117.548)	(80.117.548)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	(854.264.591)	(854.264.591)
Giá trị còn lại		
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	224.420.338	224.420.338
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	144.302.790	144.302.790

(b) TSCĐ vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	phần mềm máy tính VND	Chương trình phim ngắn VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	2.524.382.154	160.000.000	237.563.538.485	240.247.920.639
Tăng trong năm		111.459.914.576	67.085.270.818	178.545.185.394
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	2.524.382.154	111.619.914.576	304.648.809.303	418.793.106.033
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	(884.041.896)	(77.333.343)	(75.137.412.284)	(76.098.787.523)
Khấu hao trong năm	(42.432.651)	(1.502.555.125)	(58.647.377.754)	(60.192.365.530)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	(926.474.547)	(1.579.888.468)	(133.784.790.038)	(136.291.153.053)
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	1.640.340.258	82.666.657	162.426.126.201	164.149.133.116
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	1.597.907.607	110.040.026.108	170.864.019.265	282.501.952.980

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Dự án triển khai phần mềm Onstudio	-	42.605.000.000
Dự án triển khai phần mềm YEG DX	-	13.944.000.000
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	-	628.622.222
TỔNG CỘNG	-	57.177.622.222

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Bên thứ ba	8.593.562.958	12.863.228.533
<i>Công ty TNHH STVProduction</i>	6.374.700.467	6.374.700.467
<i>Khác</i>	2.218.862.491	6.488.528.066
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	41.617.293.355	290.119.977.052
TỔNG CỘNG	50.210.856.313	302.983.205.585

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Bên thứ ba	19.108.840.000	140.000.000
<i>Công ty TNHH MTV TICKETBOX</i>	-	-
<i>Khác</i>	19.108.840.000	140.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	-	16.250.000.000
TỔNG CỘNG	19.108.840.000	16.390.000.000

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 01.01.2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30.09.2026 VND
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	1.956.842.180	24.039.763.612	(25.996.605.792)	-
TỔNG CỘNG	1.956.842.180	24.039.763.612	(25.996.605.792)	-
Phải nộp				
Thuế TNDN	-	9.330.234.077	-	9.330.234.077
Thuế GTGT	351.810.503	27.901.062.178	(27.407.718.498)	845.154.183
Thuế thu nhập cá nhân	1.388.992.015	2.920.834.667	(3.552.073.273)	757.753.409
Thuế khác	82.620.503	-	(41.207.118)	41.413.385
TỔNG CỘNG	1.823.423.021	40.152.130.922	(31.000.998.889)	10.974.555.054

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Chi phí sản xuất chương trình	2.771.512.476	5.691.000.000
Khác	45.293.831	1.782.837.135
TỔNG CỘNG	2.816.806.307	7.473.837.135
Trong đó:		
Bên thứ ba	2.816.806.307	7.385.453.027
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	-	88.384.108

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Phải trả các khoản nhờ chi hộ cho việc sản xuất chương trình (*)	66.421.894.684	32.648.864.497
Phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	18.163.057.895	31.500.000.000
Lãi vay	3.396.182.249	2.382.583.247
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và bảo hiểm thất nghiệp	376.622.425	407.838.578
Khác	17.439.750.486	5.414.436.742
TỔNG CỘNG	105.797.507.739	72.353.723.064
Trong đó:		
Bên thứ ba	76.153.498.255	38.834.862.085
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	29.644.009.484	33.518.860.979

(*) Đây là các khoản phải trả từ thu chi hộ Công ty theo các hợp đồng ủy quyền để thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại.

(**) Đây là khoản vốn góp nhận từ Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam ("VTVcab") liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVcab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 ngày 16 tháng 6 năm 2023, quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Công ty và VTVcab là 50:50. Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Theo biên bản đối trừ công nợ giữa Công ty và VTVcab ngày 22 tháng 4 năm 2026, hai bên đã thực hiện cần trừ công cho khoản phải thu VTVcab với giá trị là 8.000.100.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

19 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 01.01.2026 VND	Tăng VND	Giảm VND	30.09.2026 VND
Vay ngân hàng	103.778.089.412	270.775.119.853	(175.063.437.219)	199.489.772.046
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	61.838.974.449	164.417.181.818	(99.382.809.749)	126.873.346.518
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	41.939.114.963	106.357.938.035	(75.680.627.470)	72.616.425.528
Vay bên thứ ba	135.000.000	39.433.500.000	(7.933.500.000)	31.635.000.000
Công Ty TNHH Ticketbox	-	31.500.000.000	-	31.500.000.000
Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thương Mại Giga1	135.000.000	-	-	135.000.000
Khác	-	7.933.500.000	(7.933.500.000)	-
Vay bên liên quan	27.790.000.000	120.561.206.573	(113.589.483.610)	34.761.722.963
Công Ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	22.650.000.000	50.827.206.573	(45.535.483.610)	27.941.722.963
Công Ty TNHH 1Brandlink	300.000.000	11.750.000.000	(8.230.000.000)	3.820.000.000
Công Ty Cổ Phần Yeah1 Edigital	-	49.964.000.000	(46.964.000.000)	3.000.000.000
Công Ty TNHH Tingting Network	800.000.000	-	(800.000.000)	-
Công Ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	-	7.060.000.000	(7.060.000.000)	-
Công Ty Cổ Phần Sye Holdings	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Công Ty TNHH Vietnam Music Award	1.040.000.000	960.000.000	(2.000.000.000)	-
Công Ty TNHH 1Audience	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	131.703.089.412	430.769.826.426	(296.586.420.829)	265.886.495.009

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

19 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	01.01.2026	Tăng	Giảm	30.09.2026
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	20.544.968.699	-	(8.044.968.699)	12.500.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam</i>	<i>20.544.968.699</i>	<i>-</i>	<i>(8.044.968.699)</i>	<i>12.500.000.000</i>
Vay bên liên quan	1.500.000.000	-	(1.500.000.000)	-
<i>Công Ty Cổ Phần Sye Holdings</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>-</i>	<i>(1.500.000.000)</i>	<i>-</i>
TỔNG CỘNG	22.044.968.699	-	(9.544.968.699)	12.500.000.000

20 VỐN CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<u>30.09.2026</u>	<u>31.12.2025</u>
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	205.228.177	191.802.035
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	205.228.177	191.802.035
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>205.228.177</u>	<u>191.802.035</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30.09.2026</u>		<u>31.12.2025</u>	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Pyn ELite Fund	18.349.515	8,94	17.949.080	9,36
Bà Lê Phương Thảo	11.823.336	5,76	11.049.847	5,76
Cổ đông khác	175.055.326	85,30	162.803.108	84,88
TỔNG CỘNG	<u>205.228.177</u>	<u>100,00</u>	<u>191.802.035</u>	<u>100,00</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	137.001.454	137.001.454
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	54.800.581	54.800.581
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	191.802.035	191.802.035
Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (không bằng tiền)	13.426.142	13.426.142
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	<u>205.228.177</u>	<u>205.228.177</u>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.370.014.540.000	140.518.254	336.529.421.707	1.706.684.479.961
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	548.005.810.000	(65.100.000)	-	547.940.710.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	(141.712.778.573)	(141.712.778.573)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.918.020.350.000	75.418.254	194.816.643.134	2.112.912.411.388
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	18.910.300.924	18.910.300.924
Tăng vốn từ lợi nhuận giữ lại (*)	134.261.420.000	-	(134.261.420.000)	-
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	2.052.281.770.000	75.418.254	79.465.524.058	2.131.822.712.312

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 104/2026/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 173/2026/NQ/HĐQT/YEG ngày 26 tháng 5 năm 2026, cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 13.426.142 cổ phiếu phổ thông, tương đương với số vốn điều lệ tăng thêm là 134.261.420.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2026, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 35 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.918.020.350.000 VND lên 2.052.281.770.000 VND.

22 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Doanh thu quảng cáo và truyền thông	238.733.029.952	405.109.333.673
Doanh thu cung cấp, tư vấn và khai thác bản quyền nội dung	25.447.381.009	22.959.833.599
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.605.617.121	46.905.120.370
Doanh thu bán hàng hóa	-	6.691.506.928
TỔNG CỘNG	322.786.028.082	481.665.794.570

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Giá vốn quảng cáo và truyền thông	188.678.464.581	372.425.267.757
Giá vốn cung cấp, tư vấn và khai thác bản quyền nội dung	29.912.425.477	32.714.021.994
Giá vốn cung cấp dịch vụ	44.181.927.408	34.479.395.555
Giá vốn bán hàng hóa	-	2.212.093.039
TỔNG CỘNG	262.772.817.466	441.830.778.345

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.025.630.517	12.544.623.475
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	535.500	11.267.391
TỔNG CỘNG	15.026.166.017	12.555.890.866

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Chi phí lãi vay	14.155.279.078	13.772.344.953
Chi phí tài chính khác	3.783.357.852	-
Lỗ từ việc thoái vốn công ty con	-	138.167.412.233
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư	11.481.784.680	(14.068.911.080)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	23.646.389
TỔNG CỘNG	29.420.421.610	137.894.492.495

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Chi phí nhân viên	5.548.219.326	25.706.273.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	911.069.017	14.402.988.813
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước	9.018.550.145	5.131.649.926
Khác	1.408.199.232	104.879.453
Dự phòng/(hoàn nhập) phải thu khó đòi	221.386.910	(1.748.917.882)
TỔNG CỘNG	17.107.424.630	43.596.874.141

27 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Thu nhập khác		
Khác	25.822	4.363.962
	25.822	4.363.962
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	128.792.193	602.085.402
Khác	37.228.607	107.797.854
	166.020.800	709.883.256
Lợi nhuận khác	(165.994.978)	(705.519.294)

28 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN tính trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	28.345.535.415	(130.249.617.728)
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	5.669.107.083	(26.049.923.546)
Điều chỉnh:		
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	25.463.384.693
Chi phí không được khấu trừ	3.661.126.994	586.538.853
Điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại	105.000.414	1.539.380.684
Chi phí thuế TNDN (*)	9.435.234.491	1.539.380.684
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	9.330.234.077	-
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 28)	105.000.414	1.539.380.684
Chi phí thuế TNDN	9.435.234.491	1.539.380.684

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Trong kỳ, Công ty hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại 105.000.414 VND và ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại :	-	105.000.414

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.893.005.401	430.447.587.862
Chi phí nhân viên	23.085.167.475	25.706.273.831
Chi phí khấu hao TSCĐ	60.272.483.078	31.361.468.111
Dự phòng	221.386.910	(1.748.917.882)
Khác	1.408.199.232	104.879.453
TỔNG CỘNG	279.880.242.096	485.871.291.375

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty TNHH 1Production
 Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam
 Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital
 Công ty TNHH Yeah1 Up
 Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink
 Việt Nam

Công ty con trực tiếp
 Công ty con trực tiếp
 Công ty con trực tiếp
 Công ty con trực tiếp
 Công ty con trực tiếp

Công ty TNHH 1Talents
 Công ty TNHH 1Brandlink
 Công ty Cổ phần SYE Holdings
 Công ty TNHH Giải trí và Truyền thông Mango+
 Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số
 Công ty TNHH Big Cat
 Công ty TNHH Vietnam Music Award
 Công ty TNHH TingTing Network
 Công ty Cổ phần 1Creators
 Công ty Cổ phần 1Game

Công ty con của công ty liên kết
 Công ty con trực tiếp
 Công ty liên kết
 Công ty con trực tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty liên kết
 Công ty con trực tiếp
 (từ ngày 4 tháng 3 năm 2026)
 Công ty liên kết
 (đến ngày 3 tháng 3 năm 2026)
 Công ty liên kết

Công ty TNHH 1Audience
 Bà Lê Phương Thảo
 Bà Ngô Thị Vân Hạnh
 Ông Nguyễn Hoàng Giang
 Ông Đinh Hoài Nam
 Ông Huỳnh Quân Minh
 Bà Đỗ Thị Mai Vy
 Bà Nguyễn Thị Khánh Trang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
 Tổng giám đốc
 Phó chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT
 Phó Tổng giám đốc
 Phó Tổng Giám đốc

Ông Lưu Anh Khoa

Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2026)
 Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2026)

Bà Đặng Phương Dung

Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2025)

Ông Nguyễn Văn Nam
 Ông Vương Hồ Trí Dũng
 Bà Lê Thị Hoa
 Ông Nguyễn Hoàng Linh
 Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS

Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
 Thành viên BKS
 Thành viên BKS

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Người liên quan của người nội bộ
 Công ty mà người nội bộ là thành viên HĐQT
 Công ty mà người nội bộ là chủ tịch HĐQT

Công ty Cổ phần King Production
 Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh

Công ty mà người nội bộ là bên liên quan
 Bên liên quan trong năm 2025; không còn là bên liên quan trong năm 2026
 Công ty mà người có liên quan của người nội bộ là Giám đốc

Công ty Cổ phần Finbase

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026	30.09.2025
		VND	VND
Công ty TNHH 1Production	Cho vay	170.410.000.000	246.222.000.000
	Mua dịch vụ sản xuất chương trình	202.990.379.648	332.251.564.449
	Nhờ thu hộ	13.125.044.408	35.798.959.923
	Cung cấp dịch vụ	29.104.068.502	4.353.300.000
	Lãi cho vay	5.452.393.644	3.076.269.027
	Góp vốn	-	210.000.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Cho vay	104.380.000.000	136.110.000.000
	Cung cấp dịch vụ	17.454.359.675	2.910.251.852
	Nhờ thu hộ	5.197.536.725	19.637.611.546
	Mua dịch vụ	-	49.814.814
	Lãi cho vay	1.112.793.427	1.259.970.410
	Vay	50.827.206.573	16.100.000.000
	Lãi vay	914.627.626	1.508.241.574
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	56.130.000.000	42.812.000.000
	Vay	49.964.000.000	4.780.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	14.744.269.780	-
	Cung cấp dịch vụ	9.214.525.926	11.857.000.223
	Lãi cho vay	343.667.726	933.456.731
	Mua dịch vụ	-	3.983.333.333
	Lãi vay	545.667.944	19.250.959
Công ty TNHH 1Brandlink	Cho vay	28.900.000.000	-
	Nhờ thu hộ	7.776.000.000	11.190.000.000
	Vay	11.750.000.000	6.300.000.000
	Cung cấp dịch vụ	21.926.489.933	3.863.100.000
	Mua dịch vụ	557.750.000	-
	Lãi cho vay	172.887.670	-
	Lãi vay	76.909.587	58.268.492
Công ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	Góp vốn	26.267.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	23.803.694.909	75.600.000
	Mua dịch vụ	2.870.512.476	-
	Lãi cho vay	-	41.739.658

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		<u>Kỳ chín tháng kết thúc ngày</u>	
		<u>30.09.2026</u>	<u>30.09.2025</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	38.240.000.000	2.920.000.000
	Vay	7.060.000.000	3.000.000.000
	Cung cấp bản quyền nội dung số	720.794.320	-
	Lãi cho vay	78.889.313	131.356.435
	Cung cấp dịch vụ	-	3.175.801.665
	Mua dịch vụ	284.034.861	1.370.119.010
Công ty TNHH Yeah1 Up	Lãi cho vay	1.257.694.965	1.171.332.374
	Cho vay	25.350.000.000	5.423.000.000
	Mua dịch vụ	183.737.500	-
Công ty Cổ phần King Production	Mua dịch vụ	26.274.741.134	-
	Cung cấp dịch vụ	315.000.000	-
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.791.004.400	-
	Cung cấp dịch vụ	6.768.900.000	8.930.879.399
	Mua hàng hóa, dịch vụ	16.090.614.750	-
Công ty Cổ phần 1Creators	Cho vay	8.120.000.000	12.800.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.090.525.022	223.650.000
	Lãi cho vay	1.107.179.170	17.008.219
Công ty Cổ phần Sye Holdings	Cung cấp dịch vụ	3.625.145.148	-
	Mua dịch vụ	836.000.000	-
	Vay	-	-
	Lãi vay	23.486.301	-

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026	30.09.2025
		VND	VND
Công ty Cổ phần 1Game	Mua dịch vụ	2.742.000.000	-
	Cho vay	815.000.000	23.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	163.800.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cho vay	600.000.000	6.069.000.000
	Lãi cho vay	641.781.782	626.373.906
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	960.000.000	-
	Lãi vay	107.483.835	103.826.300
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	515.603.642	439.946.639
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	499.937.159	598.556.595
Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Mua dịch vụ	325.000.000	-
	Tạm ứng	188.739.896	-
Công ty TNHH 1Talents	Cung cấp dịch vụ	151.200.000	327.600.000
Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	3.311.728.704
	Vay	-	1.000.000.000
	Lãi vay	67.890.411	77.958.904
Công ty TNHH TìngTìng Network	Lãi vay	36.823.559	23.560.278
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	Lãi vay	10.602.121	19.029.452
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	-	100.800.000

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)****Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt**

		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
Họ và tên	Chức danh	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Thù lao thành viên HĐQT			
Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Đình Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	-	-
TỔNG CỘNG		-	-
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	2.583.000.000	2.583.000.000
Huỳnh Quân Minh	Phó Tổng Giám Đốc	1.064.000.000	-
Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc tài chính	918.960.000	857.899.000
Lưu Anh Khoa	Giám đốc tài chính	134.560.000	-
Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng	542.520.000	203.977.000
Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	471.131.000
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	304.200.000	-

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công Ty TNHH 1Production	10.785.854.261	5.363.782.139
Công Ty TNHH Big Cat	6.037.021.655	2.717.031.352
Công Ty TNHH 1Brandlink	4.866.672.000	8.930.560.000
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	4.600.591.200	4.479.800.000
Công Ty TNHH Yeah1 Up	4.493.096.449	6.197.214.449
Công Ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	3.759.386.058	11.498.120.271
Công Ty Cổ Phần 1Creators	1.802.160.000	602.910.000
Công Ty Cổ Phần Yeah1 Edigital	1.545.085.480	2.396.989.213
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	356.180.000	356.180.000
Công Ty TNHH 1Talents	339.570.000	173.250.000
Công Ty Cổ Phần 1Game	180.180.000	180.180.000
Công Ty Cổ Phần King Production	124.740.000	
Công Ty Cổ Phần Sye Holdings	111.950.544	1.188.401.730
Công Ty TNHH Vietnam Music Award		670.000.000
TỔNG CỘNG	39.002.487.647	44.754.419.154
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Công Ty Cổ Phần King Production	30.350.068.391	-
Công ty TNHH BigCat	-	7.217.059.707
Công ty Cổ phần 1Game	-	3.230.000.000
	30.350.068.391	10.447.059.707
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH Yeah1 Up	36.040.432.545	11.632.737.580
Công ty Cổ phần 1Creators	22.426.566.017	15.169.386.847
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	9.515.645.897	2.899.163.907
Công Ty TNHH Big Cat	8.261.742.465	
Công Ty TNHH 1Production	4.820.253.314	6.767.859.670
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	4.295.636.848	1.549.121.366
Công Ty TNHH 1Audience	2.015.890.411	
Công Ty Cổ Phần 1Game	839.596.164	
Công ty TNHH 1Brandlink	172.887.670	-
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	64.501.781	64.501.781
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	28.971.385.336
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam		-
TỔNG CỘNG	88.453.153.112	67.054.156.487

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (Thuyết minh 7(b))		
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	600.000.000	6.069.000.000
Công ty TNHH 1Production	-	185.516.000.000
Công ty Cổ phần 1Creators	-	530.000.000
TỔNG CỘNG	600.000.000	192.115.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty TNHH 1Production	711.815.754	14.046.145.790
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	506.016.720	1.055.345.308
Công ty TNHH Yeah1 Up	86.190.000	86.190.000
Công ty Cổ phần Finbase	53.378.600	53.378.600
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	-	77.254.677
Công ty TNHH Giải trí Và Truyền thông Mango+	-	64.501.781
Bà Lê Phương Thảo	-	29.392.550
Công ty TNHH 1Brandlink	-	7.058.275.973
TỔNG CỘNG	1.357.401.074	22.470.484.679
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty TNHH 1Production	36.835.315.252	285.133.845.953
Công Ty Cổ Phần 1Game	2.427.800.000	-
Công ty Cổ phần SYE Holdings	902.880.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	671.405.279	671.405.279
Công Ty TNHH Big Cat	265.138.024	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	237.626.800	2.237.626.800
Công Ty TNHH Giải Trí Và Truyền Thông Mango+	106.920.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	86.400.000	86.400.000
Công Ty TNHH 1Brandlink	83.808.000	-
Công ty TNHH 1Talents	-	108.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	-	1.882.699.020
TỔNG CỘNG	41.617.293.355	290.119.977.052

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
Công ty TNHH 1Production	-	16.250.000.000
TỔNG CỘNG	-	16.250.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
Công Ty TNHH 1Audience	-	79.109.588
Công ty TNHH Vietnam Music Award	-	9.274.520
TỔNG CỘNG	-	88.384.108
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18)		
Công ty TNHH 1Production	22.842.545.940	28.833.389.785
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.630.986.419	3.444.602.383
Công ty Cổ phần SYE Holdings	440.705.477	417.219.176
Công ty TNHH Vietnam Music Award	204.210.409	87.452.054
Công ty TNHH TingTing Network	129.044.461	92.220.902
Công ty TNHH Big Cat	123.353.425	123.353.425
Công ty TNHH 1Brandlink	98.295.888	449.386.300
Công Ty Cổ Phần King Production	68.120.548	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	59.329.316	27.766.317
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	32.613.699	8.702.351
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	7.899.792	7.899.792
Công Ty TNHH 1Audience	6.904.110	26.868.494
TỔNG CỘNG	29.644.009.484	33.518.860.979

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 19(a))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	27.941.722.963	22.650.000.000
Công ty TNHH 1Brandlink	3.820.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award		1.040.000.000
Công Ty TNHH 1Audience		1.000.000.000
Công ty TNHH TingTing Network		800.000.000
Công ty Cổ phần SYE Holdings		2.000.000.000
TỔNG CỘNG	34.761.722.963	27.790.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh 19(b))		
Công ty Cổ phần SYE Holdings	-	1.500.000.000
TỔNG CỘNG	-	1.500.000.000

31 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Năm xóa sổ	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Tân An Đông	2025	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Up	2025	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	2025	353.983.561	353.983.561
Công ty TNHH Yeah1 Vision	2025	209.824.729	209.824.729
TỔNG CỘNG		21.163.808.290	21.163.808.290

32 PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2026. Chi tiết như sau:

	31.12.2025 (đã được trình bày trước đây) VND	Trình bày lại VND	31.12.2025 (được trình bày lại) VND
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	164.600.000.000	68.311.382.377	232.911.382.377
Phải thu ngắn hạn khác	134.661.547.969	(11.090.782.377)	123.570.765.592
Cho vay dài hạn	193.715.000.000	(193.715.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	193.715.000.000	193.715.000.000

33 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã hoàn tất phân phối 17.000.000 cổ phiếu theo phương thức chào bán riêng lẻ. Theo Công văn số 10458/UBCK-QLCB ngày 21 tháng 10 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán theo Báo cáo số 397/2026/YEG/CV ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Công ty, đồng thời đề nghị Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết bổ sung số cổ phiếu này theo quy định. Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 30 tháng 10 năm 2026.


Nguyễn Thị Thúy Diễm
Người lập


Đặng Phương Dung
Kế toán trưởng


Lưu Anh Khoa
Giám đốc Tài chính

